TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH HD**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày: 20-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân huyện TH, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 22/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xét số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 08/3/2024 đối với bị cáo:

- Quách Đình Tuấn, sinh năm 1993; nơi sinh, nơi cư trú: số nhà 112, Mai Độ, Phường Nhị Châu, Thành phố HD, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Đình H và bà Phùng Thị S; vợ là Đinh Thị Thu H; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1997 và anh Trịnh Đình Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Vinh Ninh, xã Thanh Cường, huyện TH, tỉnh HD. (Có đơn đề nghị xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

Anh Như Văn Sáng; Nguyễn Thị Q; Nguyễn Thị Kh; Trịnh Tố Th; Bùi Thị H.(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 15/12/2023, Tuấn điều khiển xe máy nhãn hiệu Airblade BKS 34M7 - 8879 đăng ký sở hữu tên Nguyễn Thị Q đến cửa hàng thiết bị điện nước Th Th do chị Lê Thị Th, sinh năm 1997, ở thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường, huyện TH, tỉnh HD là chủ cửa hàng, mục đích để giới thiệu, tiếp thị một số mặt hàng đồ điện, sau đó chị Th đi ra bàn máy tính phía ngoài cửa ngồi còn T vẫn ở gian trong để xem đồ điện. Quan sát thấy sơ hở, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tuấn đã lấy 02 cuộn dây điện (01 cuộn vỏ màu xanh, 01 cuộn vỏ màu vàng) nhãn hiệu Trần Phú, loại 100m/cuộn và lấy 03 cầu dao tự động Aptomat, nhãn hiệu Panasonic loại 40a, 50a, 63a, T cho vào cặp màu đen đang đeo trên người rồi đi ra chỗ chị Th rồi tiếp tục giới thiệu sản phẩm sau đó T điều khiển xe đến cửa hàng đồ điện Tiến Khanh do chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1982; địa chỉ số nhà 105, Bạch Đằng, Thành phố HD, tỉnh HD là chủ cửa hàng. T bán cho chị Kh với giá 2.900.000đ. Ngày 16/12/2023 chị Thủy phát hiện bị mất tài sản đã trình báo Cơ quan Công an.

Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện TH kết luận: 02 cuộn dây điện và 03 cầu dao Aptomat tổng trị giá 4.020.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD truy tố bị cáo Quách Đình T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quách Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 ; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa: Xử phạt bị cáo Quách Đình T từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 cặp màu đen có Logo 2H kích thước 35 x 43cm có dây đeo màu đen; trả lại bị cáo Tuấn 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen biển số 34M – 8879, kèm theo chìa khóa (theo biên bản giao nhận vật chứng) Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TH, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 15/12/2023, tại cửa hàng thiết bị vệ sinh & điện nước Thành Thủy; địa chỉ thôn Vĩnh Ninh, xã Thanh Cường, huyện TH, tỉnh HD, Quách Đình T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 02 cuộn dây điện và 03 aptomat tổng trị giá 4.020.000đ của anh chị Th, Th sau đó mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã hoàn trả số tiền để khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, vì bị cáo là người ở địa phương khác bôn tập về địa bàn huyện TH để trộm cắp tài, thủ đoạn thực hiện táo bạo giữa ban ngày thể hiện ý thức coi thường bất chấp pháp luật. Vì vậy cần quyết định mức án nghiêm, buộc bị cáo cách ly xã hội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ hoàn trả: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm; bị cáo đã tự nguyện trả xong số tiền 2.900.000 đồng cho chị Khuyên. HĐXX không giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc cặp vải màu đen có Logo 2H kích thước 35 x 43cm có dây đeo màu đen; 01 xe máy sơn màu đen nhãn hiệu Honda Airblade màu đen biển số 34M – 8879, số khung 18037Y504258, số máy JF18E5004216 có gương chiếu hậu bên trái, có 01 vết xước tại vị trí đầu xe bên phải và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Q; 01 giấy biên nhận bán xe. (hiện 02 giấy tờ trên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án). Quá trình điều tra có căn cứ xác định chị Quyên đã bán xe cho anh Nguyễn Quang S sau đó anh Sáng bán xe cho bị cáo Tuấn.

Xét thấy: 01 xe máy nêu trên bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại, cần trả lại cho bị cáo kèm theo chìa khóa xe, đăng ký và giấy biên nhận bán hàng. (Vì đăng ký và giấy biên nhận bán xe đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên được giao nhận sang Chi cục thi hành án dân sự huyện TH kèm theo bản án có hiệu

lực pháp luật); 01 chiếc cặp vải màu đen có Logo 2H kích thước 35 x 43cm có dây đeo màu đen bị cáo sử dụng làm công cụ cất giấu tài sản sau khi trộm cắp, chiếc cặp đã cũ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Kh là người mua tài sản của T, khi mua chị Kh không biết tài sản do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 136, khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Quách Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Quách Đình T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

3. Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc cặp vải màu đen có Logo 2H kích thước 35 x 43cm có dây đeo màu đen. Trả lại bị cáo Quách Đình T 01 xe máy sơn màu đen nhãn hiệu Honda Airblade màu đen biển số 34M – 8879 số khung 18037Y504258, số máy JF18E5004216 có gương chiếu hậu bên trái, có 01 vết xước tại vị trí đầu xe bên phải, kèm theo chìa khóa xe (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện TH với Chi cục thi hành án dân sự huyện TH) và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Q; 01 giấy biên nhận bán xe (Đăng ký và giấy biên nhận bán xe đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án, sẽ được giao nhận sang Chi cục thi hành án dân sự huyện TH kèm theo bản án có hiệu lực pháp luật).

4. Về án phí: Bị cáo Quách Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TH;
- VKSND tỉnh HD;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện TH
- Cơ quan Thi hành án hình sự -Công an tỉnh HD;
- Bộ phận HNNV- Công an huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Sở tư pháp tỉnh HD;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài